

Đơn vị: TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 08 tháng 7 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của bộ tài chính hướng dẫn chế độ công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách đầu năm 2022

Trường THCS Hoàng Quế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Thực hiện quý II năm 2021	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		0		
I	Số thu phí, lệ phí	612.000.000		0	
1	Học phí	612.000.000		0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		0		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.612.000.000	911.849.432	25	110,39
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.612.000.000	911.849.432	25	110,39
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3.130.000.000</u>	<u>796.390.136</u>	25	96,41
	Mục 6000: Tiền lương	1.867.387.200	457.728.002	25	55,41
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		0		-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	752.357.000	207.932.741	28	25,17
	Mục 6200: Tiền thưởng	14.000.000	0	0	-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	8.000.000	1.610.000	20	0,19
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	488.255.800	124.857.993	26	15,12

	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		4.261.400		0,52
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>482.000.000</u>	<u>115.459.296</u>	24	13,98
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	66.343.000	8.381.364	13	1,01
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	58.700.000	3.495.000	6	0,42
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	72.618.000	5.907.000	8	0,72
	Mục 6650: Hội nghị	7.050.000		216	-
	Mục 6700: Công tác phí	28.500.000	15.200.000	79	1,84
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	76.588.140	22.489.782	29	2,72
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	52.900.000	17.802.400	34	2,16
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	42.410.000		0	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	47.890.860	42.183.750	88	5,11
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		0	#DIV/0!	-
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>29.000.000</u>	<u>-</u>	0	-
	Mục 7750: Chi khác	29.000.000	-	0	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	150.000.000			

NGƯỜI LẬP



Ngô Thị Thành

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Ngọc Dung